TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 17-9-2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Quốc

2. Ông Cao Minh Ngoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐST - DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T: Anh Nguyễn Hữu K (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2019) (có mặt)

Cùng trú tại: ấp 4, xã V, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Kh (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị P (vắng mặt)

Trú tại: ấp A, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019 và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 30/10/2000 âm lịch ông Kh, bà P có mua quýt của ông T với số tiền

là 20.000.000 đồng, nhưng không trả tiền. Sau đó, ông Kh, bà P có làm giấy mượn tiền với số tiền trên và hứa ngày 30/12/2000 âm lịch sẽ trả. Nhưng ông Kh, bà P không trả tiền như đúng hẹn. Ngày 13/01/2001 ông Kh, bà P tiếp tục làm tờ hứa hẹn sẽ trả tiền gốc và tiền lãi là 26.000.000 đồng và hứa đến tháng 10/2001 âm lịch sẽ trả, nhưng vẫn không trả. Ngày 25/7/2016 ông Kh làm tờ hứa hẹn đến tết nguyên đán 2017 sẽ trả hết số tiền. Đến nay ông Kh, bà P không trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu ông Kh, bà P phải trả 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 6.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2019 bà Nguyễn Thị P trình bày: Đối với số tiền ông T đòi bà với ông Kh trả, bà không biết ông Kh còn thiếu bao nhiêu. Bà không nhớ bà có ký vào biên nhận nợ hay không, bà không liên quan. Và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Kh, bà P.

[2] Nguyên đơn yêu cầu ông Kh, bà P trả số tiền đã vay và tiền lãi, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P thanh toán số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp giấy nhận nợ ngày 30/10/2000 âm lịch của ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P; Tờ hứa hẹn nợ ngày 13/01/2001 của ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P và tờ hứa hẹn đề ngày 25/7/2016 của ông Trần Văn Kh. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 09/8/2019 và thông báo kết quả phiên họp cho ông Kh, bà P. Nhưng ông Kh, bà P không có ý kiến gì với chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Nên có cơ sở khẳng định việc vay tiền của ông Kh, bà P là có thật và nguyên đơn có chứng cứ chứng minh. Do ông Kh, bà P nhiều lần hứa hẹn trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên

đơn. Nên nguyên đơn yêu cầu ông Kh, bà P trả tiền gốc 20.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 6.000.000 đồng. Theo biên nhận nợ ngày 30/10/2000 âm lịch thì ông Kh, bà P hẹn đến 30/12/2000 âm lịch sẽ trả đủ. Và khi làm tờ hứa hẹn ngày 13/1/2001 ông Kh, bà P hứa sẽ trả thêm tiền lãi là 6.000.000 đồng. Từ cuối năm 2000, khi nguyên đơn cho ông Kh, bà P vay tiền đến nay chỉ tính khoảng tiền lãi 6.000.000 đồng là hoàn toàn có lợi cho ông Kh, bà P, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định ở [3], [4] nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P phải chịu phần án phí có giá ngạch là 26.000.000 đồng x 5% = 1.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T.

Buộc ông Trần Văn Kh và Nguyễn Thị P phải trả cho ông Nguyễn Hữu T 26.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi là 6.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Kh và bà Nguyễn Thị P phải chịu 1.300.000 đồng. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu T 650.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0021476 ngày 01/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.